

Số: 48 /2024/VSC

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	199.022.025.920	393.139.126.743	194.117.100.823	49,3%

Nguyên nhân chủ yếu:

- Chi phí tài chính (Chi phí lãi vay): Trong năm 2023, thực hiện chủ trương đầu tư của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Tập đoàn đã ghi nhận khoản Chi phí lãi vay ngân hàng **tăng 170 tỷ đồng** phát sinh từ việc vay vốn ngân hàng để đầu tư các dự án.

- Chi phí bán hàng: Tập đoàn ghi nhận việc chi phí bán hàng **tăng 14 tỷ đồng** so với năm 2022 do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ **tăng 8,6%** so với cùng kỳ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tập đoàn ghi nhận việc chi phí quản lý doanh nghiệp **tăng 27 tỷ đồng** so với năm 2022 do Tập đoàn bắt đầu triển khai các dự án tư vấn chuyển đổi số, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp trong năm 2023.

Đây là các nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm 194.117.100.823 đồng, tương ứng với giảm 49,3% so với năm 2022.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Công Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ hai mươi sáu) được cấp ngày 28 tháng 2 năm 2024.

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)
	Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)
	Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên
	Ông Tạ Công Thông	Thành viên
	Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)
Ban Giám đốc	Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Giám đốc Marketing (cho đến ngày 28/2/2024)
	Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024) Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)
	Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)
	Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật
	Bà Trương Anh Thư	Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024)
	Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính (cho đến ngày 1/3/2024)
Ban Kiểm soát	Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)
	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)
	Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày 10/3/2023)
	Bà Nghiễm Thị Thùy Dương	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024)
	Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 13/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024)
	Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 13/3/2023)
Trụ sở chính	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.


Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 62. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc




Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật

Hải Phòng, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3726
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.346.116.796.163	1.305.795.538.303
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	370.506.274.358	360.383.344.706
111	Tiền		135.606.274.358	80.590.591.281
112	Các khoản tương đương tiền		234.900.000.000	279.792.753.425
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		425.016.299.943	239.367.439.500
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10(a)	425.016.299.943	239.367.439.500
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		464.364.981.166	560.183.580.705
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	205.263.011.710	188.497.724.901
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	13.578.690.375	8.315.243.630
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	247.560.452.918	364.380.471.256
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(2.037.173.837)	(1.009.859.082)
140	Hàng tồn kho		29.065.056.002	28.028.085.828
141	Hàng tồn kho	7	29.065.056.002	28.028.085.828
150	Tài sản ngắn hạn khác		57.164.184.694	117.833.087.564
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	20.161.906.312	43.834.422.724
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	35.389.709.327	72.728.817.007
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	1.612.569.055	1.269.847.833
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.844.809.057.925	3.061.014.785.790
210	Các khoản phải thu dài hạn		827.203.931.552	827.194.723.552
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	827.203.931.552	827.194.723.552
220	Tài sản cố định		643.931.552.904	814.375.685.400
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	632.776.216.056	808.495.656.154
222	Nguyên giá		2.556.974.350.993	2.545.081.398.487
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.924.198.134.937)	(1.736.585.742.333)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		5.043.501.523	-
225	Nguyên giá		5.187.601.567	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(144.100.044)	-
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	6.111.835.325	5.880.029.246
228	Nguyên giá		22.239.958.750	21.654.078.750
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.128.123.425)	(15.774.049.504)
240	Tài sản dở dang dài hạn		-	11.928.306.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	11.928.306.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.470.217.463.204	486.680.522.471
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10(b)	1.470.062.463.204	486.525.522.471
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10(c)	155.000.000	155.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		903.456.110.265	920.835.548.367
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	898.439.930.657	916.126.213.608
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		18.611.932	108.305.270
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		428.200.000	428.200.000
269	Lợi thế thương mại	11	4.569.367.676	4.172.829.489
270	TỔNG TÀI SẢN		5.190.925.854.088	4.366.810.324.093

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.896.618.956.700	1.165.609.976.787
310	Nợ ngắn hạn		403.171.566.331	433.716.636.921
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	109.858.794.952	75.774.962.071
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.967.706.530	1.742.927.438
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(c)	29.317.673.914	24.409.235.577
314	Phải trả người lao động	14	55.092.480.977	44.359.416.695
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15(a)	58.870.360.556	18.674.422.598
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	14.271.499.464	55.625.319.941
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	118.835.910.443	208.400.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	13.957.139.495	4.730.352.601
330	Nợ dài hạn		1.493.447.390.369	731.893.339.866
333	Chi phí phải trả dài hạn	15(b)	8.502.467.705	-
337	Phải trả dài hạn khác		1.607.000.000	30.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	1.449.749.013.010	700.000.000.000
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	30.412.872.712	30.858.278.235
342	Dự phòng phải trả dài hạn		3.176.036.942	1.005.061.631
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.294.306.897.388	3.201.200.347.306
410	Vốn chủ sở hữu		3.294.306.897.388	3.201.200.347.306
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.333.956.420.000	1.212.693.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.333.956.420.000	1.212.693.970.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	39.403.521.246	39.403.521.246
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	1.382.700.000	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	886.626.243.776	875.542.995.447
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	-	1.382.700.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	620.034.996.643	664.028.970.953
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		496.411.636.986	546.685.315.357
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		123.623.359.657	117.343.655.596
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	412.903.015.723	408.148.189.660
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.190.925.854.088	4.366.810.324.093



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.180.945.411.694	2.007.397.494.749	
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.180.945.411.694	2.007.397.494.749	
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(1.526.506.042.396)	(1.348.668.597.428)	
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	654.439.369.298	658.728.897.321	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	31.124.814.810	34.600.874.362	
22	Chi phí tài chính	(172.619.631.145)	(5.019.819.879)	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(170.446.855.907)	(1.104.887.671)	
24	Phần lỗ trong công ty liên kết	(17.959.975.663)	(19.722.583.786)	
25	Chi phí bán hàng	(94.066.467.806)	(79.193.978.606)	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(132.883.063.453)	(105.390.698.465)	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	268.035.046.041	484.002.690.947	
31	Thu nhập khác	3.887.437.970	1.255.173.608	
32	Chi phí khác	(6.791.896.532)	(8.345.134.523)	
40	Lỗ khác	(2.904.458.562)	(7.089.960.915)	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(66.464.273.744)	(83.968.553.635)	
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	355.712.185	194.950.346	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	199.022.025.920	393.139.126.743	
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty	123.623.359.657	314.293.593.407	
62	Cổ đông không kiểm soát	75.398.666.263	78.845.533.336	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	844	2.222
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	844	2.222



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	193.367.525.445	201.526.522.056
03	Các khoản dự phòng	3.198.290.066	(139.225.749)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(415.157.851)	(154.840.841)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(13.136.829.741)	(14.146.613.917)
06	Chi phí lãi vay và các chi phí đi vay khác	170.446.855.907	1.104.887.671
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	618.591.271.305	665.103.459.252
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(4.835.515)	15.582.644.924
10	Tăng hàng tồn kho	(1.036.970.174)	(3.143.075.771)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	74.187.947.332	(90.875.177.898)
12	Giảm chi phí trả trước	41.862.850.975	420.820.031
14	Tiền lãi vay và các chi phí đi vay khác đã trả	(2.450.000.000)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	(62.414.431.030)	(84.803.675.087)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	(26.299.593.744)	(30.099.887.900)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	642.436.239.149	472.185.107.551
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(5.376.972.837)	(137.803.313.599)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	464.804.091	1.698.016.484
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(601.185.299.943)	(483.667.439.500)
24	Tiền bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	415.536.439.500	343.318.900.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(998.900.589.799)	(1.622.277.150.154)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	32.590.197.171	23.749.796.156
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.066.871.421.817)	(1.874.981.190.613)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 62 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)


Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	5.436.050.000
33	Tiền thu từ đi vay	886.600.000.000	908.400.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(381.500.000.000)	-
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(567.950.331)	-
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu bên ngoài Tập đoàn	(70.389.095.200)	(164.405.647.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	434.142.954.469	749.430.403.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	9.707.771.801	(653.365.680.062)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 360.383.344.706	1.013.594.183.927
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	415.157.851	154.840.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 370.506.274.358	360.383.344.706

(*) Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm chi trả thưởng cho Hội đồng Quản trị và chi quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 34.



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Ta Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200453688 đề ngày 1 tháng 4 năm 2002 và các thay đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là VSC.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 chi nhánh trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Xí nghiệp cảng Viconship
Địa chỉ: Số 1, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Địa chỉ: Số 2F Đường số 4(F), Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại Quảng Ninh. Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 18702/23 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có 1.193 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.233 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 công ty con nắm giữ trực tiếp, 2 công ty con nắm giữ gián tiếp qua các công ty con khác và 5 công ty liên kết (Thuyết minh 10(b) và Thuyết minh 10(c)) như sau:

	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31/12/2023		31/12/2022	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Hải Phòng	74%	74%	74%	74%
2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	Hải Phòng	66%	66%	66%	66%
3) Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Đà Nẵng	65%	65%	65%	65%
4) Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
5) Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
6) Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
7) Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	100%	100%
Công ty con gián tiếp					
1) Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
2) Công ty Cổ phần Container Quy Nhơn, Bình Định	Quy Nhơn, Bình Định	54,6%	65%	54,6%	65%
Công ty liên kết					
1) Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng	31%	31%	31%	31%
2) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Hải Phòng	22%	22%	22%	22%
3) Công ty TNHH Tuyến Container T.S Hà Nội	Hải Phòng	30%	30%	30%	30%
4) Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Hải Phòng	36%	36%	36%	36%
5) Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Hải Phòng	35%	35%	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty con và ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng với mục đích thu lãi hàng kỳ. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tập đoàn thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.13 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.11 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính, và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày kết thúc năm tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên, thưởng cho ban quản lý điều hành của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay vốn.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Đối với báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, Tập đoàn chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Tập đoàn không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 4);
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 9); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 2.10 và Thuyết minh 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền mặt	2.716.321.651	1.920.102.424
Tiền gửi ngân hàng	132.889.952.707	78.670.488.857
Các khoản tương đương tiền (*)	234.900.000.000	279.792.753.425
	<u>370.506.274.358</u>	<u>360.383.344.706</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu dưới hoặc bằng 3 tháng với lãi suất từ 2%/năm đến 4,3%/năm (năm 2022: lãi suất từ 4,8%/năm đến 6%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	166.806.254.862	160.200.935.462
Trong đó:		
- Công ty Maersk Line A/S	29.370.750.653	25.371.125.977
- Khác (*)	137.435.504.209	134.829.809.485
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	38.456.756.848	28.296.789.439
	<u>205.263.011.710</u>	<u>188.497.724.901</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(2.037.173.837)</u>	<u>(1.009.859.082)</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có bên thứ ba nào khác có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	13.578.690.375	8.315.243.630
Trong đó:		
- Công ty TNHH Thương mại, Vận tải Quốc tế Vitra	6.814.940.000	-
- Khác	6.763.750.375	8.315.243.630
	<u>13.578.690.375</u>	<u>8.315.243.630</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đặt cọc khoản đầu tư:	161.000.000.000	340.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Đặt cọc cho các cá nhân (i)	-	40.000.000.000
- Đặt cọc cho Gemadept (ii)	-	300.000.000.000
- Đặt cọc cho Công ty TNHH Đoàn Huy và Công ty TNHH Huy Hoàng để mua cổ phần (iii)	161.000.000.000	-
Phải thu liên quan đến việc điều chỉnh giá chuyển nhượng Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ") (iv)	45.183.083.604	-
Chi hộ trả hộ (v)	10.834.274.591	7.349.623.692
Tiền gốc đầu tư hợp tác kinh doanh đến hạn được hoàn trả (vi)	10.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.717.297.133	4.230.577.696
Phải thu khác	14.825.797.590	12.800.269.868
	<u>247.560.452.918</u>	<u>364.380.471.256</u>

- (i) Khoản đặt cọc với số tiền 40.000.000.000 đồng liên quan đến khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh, là công ty con của Tập đoàn, mua cổ phần của một công ty mục tiêu theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT đề ngày 31 tháng 10 năm 2022. Công ty con này đã quyết định không tiếp tục mua cổ phần của công ty mục tiêu và đã thu hồi lại toàn bộ số tiền đặt cọc nêu trên vào ngày 21 tháng 7 năm 2023.
- (ii) Số dư 300 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là số tiền mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần Gemadept ("Gemadept") để mua lại một phần vốn góp của Gemadept tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Cảng Nam Hải Đình Vũ"). Trong năm 2023, Công ty đã mua lại 35% vốn góp tại đơn vị này, chi tiết khoản đầu tư được trình bày tại thuyết minh 10(b).
- (iii) Số dư 161 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện số tiền Công ty đặt cọc cho Công ty TNHH Thương mại Kim khí Xuất nhập khẩu Huy Hoàng ("công ty TNHH Huy Hoàng") theo hợp đồng đặt cọc số 02/2023/HĐĐC/HH-VSC đề ngày 6 tháng 4 năm 2023 và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Đoàn Huy ("công ty TNHH Đoàn Huy") theo hợp đồng đặt cọc số 03/2023/HĐĐC/ĐH-VSC đề ngày 21 tháng 12 năm 2023 để mua phần vốn góp của 2 công ty này tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).

Theo điều khoản của các hợp đồng đặt cọc nói trên, Công ty được mua đến mức tối đa toàn bộ phần vốn góp của công ty TNHH Đoàn Huy và công ty TNHH Huy Hoàng tại Cảng Nam Hải Đình Vũ với tổng số tỷ lệ phần vốn góp là 64,99%. Thời hạn hiệu lực của số tiền đặt cọc là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng đặt cọc. Giá chuyển nhượng sẽ được các bên thương thảo, căn cứ vào các điều kiện đã được thống nhất trong các hợp đồng đặt cọc và phụ lục hợp đồng nêu trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

6 PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (iv) Số dư 45.183.083.604 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty đã thực trả cho Bên chuyển nhượng là 1.050.000.000.000 Đồng và giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, liên quan tới khoản đầu tư 35% của Công ty vào Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).
- (v) Khoản thu hộ trả hộ chủ yếu gồm tiền thanh toán hộ hãng tàu cho Hải quan của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh liên quan đến hoạt động kiểm hóa, hoa tiêu và cảng vụ của hãng tàu. Khoản tiền này sẽ được trả lại bởi hãng tàu khi hãng tàu nhận được hàng.
- (vi) Đây là số tiền góp vốn gốc của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, công ty con của Tập đoàn, sẽ được hoàn trả trong năm 2024 liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và đầu tư cho dự án khách sạn Hyatt Place Hải Phòng (Thuyết minh 6(b)).

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Hợp đồng hợp tác kinh doanh và đầu tư (*)	813.600.000.000	823.600.000.000
Phải thu khác	13.603.931.552	3.594.723.552
	<u>827.203.931.552</u>	<u>827.194.723.552</u>

(*) Số dư liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh ("Hợp đồng HTKD") đề ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn T&D Group ("T&D Group") và Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, là các công ty con của Tập đoàn để thực hiện việc hợp tác đầu tư, triển khai kinh doanh dự án khách sạn Hyatt Place Hải Phòng theo Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư số 1045/QĐ-UBND ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Hải Phòng đề ngày 4 tháng 4 năm 2022. Dự án khách sạn này đã khởi công và dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động từ năm 2024.

Tổng vốn đầu tư của toàn bộ dự án là 1.423.600.000.000 Đồng, trong đó các công ty con của Công ty góp 823,6 tỷ Đồng (mỗi công ty thực góp 411,8 tỷ Đồng) và T&D Group góp 600 tỷ Đồng. Tiền góp vốn gốc của các công ty con được chuyển cho T&D Group để thực hiện dự án đầu tư và được hoàn trả bởi T&D Group từ năm 2024 trở đi, cụ thể như sau:

- Từ năm 2024: thanh toán tối thiểu 5 tỷ Đồng/năm
- Từ năm 2028: thanh toán tối thiểu 15 tỷ Đồng/năm
- Từ năm 2035: thanh toán tối thiểu 34,25 tỷ Đồng/năm

Khoản tiền góp vốn vào Hợp đồng HTKD của hai công ty con này được phân loại vào phải thu dài hạn đến hạn trả và phải thu dài hạn căn cứ vào thời gian thu hồi số tiền góp vốn gốc của Công ty con tính từ ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngoài ra, mỗi công ty con được hưởng việc phân chia lợi nhuận hàng năm tương ứng với 45% dòng tiền từ lợi nhuận sau thuế và khấu hao của dự án từ T&D Group cho giai đoạn 8 năm đầu tiên. Các năm còn lại lợi nhuận sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn ban đầu cho tới khi T&D hoàn trả hết toàn bộ phần vốn đã đầu tư của các công ty con như đã nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.078.477.109	-	1.213.108.434	-
Công cụ, dụng cụ	25.921.243.401	-	26.814.977.394	-
Hàng hóa	65.335.492	-	-	-
	<u>29.065.056.002</u>	<u>-</u>	<u>28.028.085.828</u>	<u>-</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công cụ, dụng cụ	8.219.107.359	6.759.652.883
Chi phí thuê đất	3.338.181.816	3.338.181.816
Chi phí bảo hiểm trả trước	1.764.070.849	4.779.110.666
Chi phí sửa chữa (*)	-	24.706.892.981
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.840.546.288	4.250.584.378
	<u>20.161.906.312</u>	<u>43.834.422.724</u>

(*) Chi phí sửa chữa chủ yếu liên quan tới chi phí sửa chữa cần cầu, nạo vét duy tu khu nước trước bến và vũng quay tàu của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP – Công ty con của Công ty, được phân bổ trong vòng một năm.

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí cơ sở hạ tầng trả trước (*)	684.529.342.852	703.652.363.924
Chi phí đất trả trước (**)	188.313.611.064	194.916.424.912
Chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng	10.721.912.362	-
Công cụ, dụng cụ	9.614.517.983	9.513.578.972
Chi phí sửa chữa	2.827.853.696	2.139.623.290
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.432.692.700	5.904.222.510
	<u>898.439.930.657</u>	<u>916.126.213.608</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(*) Chi phí cơ sở hạ tầng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê bao gồm:

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 11 năm 2014 đến ngày 16 tháng 10 năm 2052 theo Hợp đồng đề ngày 5 tháng 11 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Thành phố Hải Phòng của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 và từ ngày 2 tháng 4 năm 2016 đến ngày 23 tháng 6 năm 2058 theo các hợp đồng thuê đất đề ngày 12 tháng 10 năm 2015 và ngày 2 tháng 4 năm 2016 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 434.546.208.000 Đồng.

(**) Số dư thể hiện tiền thuê đất đã trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê bao gồm:

- Tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương, Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương.
- Tiền thuê hai lô đất CN3.2G và CN3.2I tại Khu Công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 6 năm 2012 và từ ngày 20 tháng 12 năm 2012 đến ngày 2 tháng 4 năm 2047 theo hai Hợp đồng thuê lại đất số DVIZJSC.009.2012.LLC.MKG đề ngày 12 tháng 6 năm 2012 và số DVIZJSC.035.2012.LLC.MKG đề ngày 20 tháng 12 năm 2012 ký giữa Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh – công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 12.119.813.200 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	916.126.213.608	501.802.196.160
Tăng trong năm	28.877.598.539	16.659.012.203
Tăng do hợp nhất trong năm (*)	-	434.546.208.000
Phân bổ trong năm	(46.563.881.490)	(36.881.202.755)
Số dư cuối năm	<u>898.439.930.657</u>	<u>916.126.213.608</u>

(*) Tăng do hợp nhất trong năm 2022 thể hiện phần giá trị hợp lý của khoản chi phí cơ sở hạ tầng trả trước liên quan đến 184.992 m² đất của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ ("ICD Quảng Bình") phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	952.119.888.214	94.593.530.586	1.479.557.575.233	18.810.404.454	2.545.081.398.487
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (*)	349.730.000	-	16.881.217.818	-	17.230.947.818
Mua trong năm (*)	-	239.348.195	-	84.090.909	323.439.104
Thanh lý, nhượng bán	-	(208.968.000)	(5.191.113.886)	(261.352.530)	(5.661.434.416)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>952.469.618.214</u>	<u>94.623.910.781</u>	<u>1.491.247.679.165</u>	<u>18.633.142.833</u>	<u>2.556.974.350.993</u>
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(565.384.704.050)	(75.386.926.506)	(1.079.159.689.615)	(16.654.422.162)	(1.736.585.742.333)
Khấu hao trong năm	(55.820.642.272)	(5.149.379.124)	(130.975.388.154)	(1.068.041.974)	(193.013.451.524)
Thanh lý, nhượng bán	-	208.968.000	4.930.738.390	261.352.530	5.401.058.920
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>(621.205.346.322)</u>	<u>(80.327.337.630)</u>	<u>(1.205.204.339.379)</u>	<u>(17.461.111.606)</u>	<u>(1.924.198.134.937)</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<u>386.735.184.164</u>	<u>19.206.604.080</u>	<u>400.397.885.618</u>	<u>2.155.982.292</u>	<u>808.495.656.154</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>331.264.271.892</u>	<u>14.296.573.151</u>	<u>286.043.339.786</u>	<u>1.172.031.227</u>	<u>632.776.216.056</u>

(*) Tài sản cố định hữu hình tăng mới trong năm chủ yếu liên quan đến các phương tiện vận tải bao gồm xe ô tô, xe nâng và xe đầu kéo.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.017.940.134.004 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 573.744.799.162 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 17(***) (i)). Tổng nguyên giá của các tài sản này là 79.307.171.683 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	16.236.225.749	21.654.078.750
Mua trong năm	-	585.880.000	585.880.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	16.822.105.749	22.239.958.750
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(15.774.049.504)	(15.774.049.504)
Khấu hao trong năm	-	(354.073.921)	(354.073.921)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	(16.128.123.425)	(16.128.123.425)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	5.417.853.001	462.176.245	5.880.029.246
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.417.853.001	693.982.324	6.111.835.325

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 15.873.315.749 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 13.617.933.290 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	425.016.299.943	425.016.299.943	-	239.367.439.500	239.367.439.500	-

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm kế toán và hưởng lãi suất từ 4% đến 7,9%/năm (tại ngày 31/12/2022: từ 5,2% đến 9,9%/năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	16.645.506.702	39.960.000.000	-	17.630.158.454	24.242.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	93.417.959.832	70.561.600.000	-	91.503.098.817	61.741.400.000	-
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	4.581.186.174	(***)	-	4.581.186.174	(***)	-
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	357.408.811.200	(***)	-	372.811.079.026	(***)	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	998.008.999.296	(***)	-	-	-	-
	<u>1.470.062.463.204</u>	<u>(***)</u>	<u>-</u>	<u>486.525.522.471</u>	<u>(***)</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng VND	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ VND	Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội VND	Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ VND	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2023	17.630.158.454	91.503.098.817	4.581.186.174	372.811.079.026	-	486.525.522.471
Tăng do đầu tư trong năm (**)	-	-	-	-	1.004.816.916.396	1.004.816.916.396
Chia sẻ lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	2.335.348.248	1.914.861.015	-	(15.402.267.826)	(6.807.917.100)	(17.959.975.663)
Cổ tức đã nhận	(3.320.000.000)	-	-	-	-	(3.320.000.000)
Số dư tại 31 tháng 12 năm 2023	<u>16.645.506.702</u>	<u>93.417.959.832</u>	<u>4.581.186.174</u>	<u>357.408.811.200</u>	<u>998.008.999.296</u>	<u>1.470.062.463.204</u>

(**) Trong năm 2023, Công ty và hai công ty khác là công ty Đoàn Huy và công ty Huy Hoàng đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp để mua toàn bộ Cảng Nam Hải Đình Vũ từ Công ty Cổ phần Gemadept và các chủ sở hữu là các cá nhân. Giá trị chuyển nhượng sau điều chỉnh thể hiện trên hóa đơn của Bên chuyển nhượng phát hành cho Công ty là 1.004.816.916.396 Đồng, tương ứng với 35% tỷ lệ cổ phần của Công ty tại Cảng Nam Hải Đình Vũ. Giá trị chuyển nhượng cổ phần được tham khảo từ giá trị doanh nghiệp theo biên bản định giá của một công ty định giá độc lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản đầu tư vào công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ đang được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của công ty mẹ (Thuyết minh 17).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (***) VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MSC Việt Nam	155.000.000	(***)	-	155.000.000	(***)	-

(***) Thuyết minh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với các đơn vị đầu tư là các công ty có cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá trị hợp lý được tính dựa trên giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày kết thúc kỳ báo cáo hợp nhất.
- Đối với các khoản đầu tư còn lại, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

11 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Công ty Cổ phần
Cảng cạn Quảng Bình
VND

Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.394.353.039
Tăng sau quyết toán giá trị chuyển nhượng	900.589.799
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.294.942.838
	<hr/>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(221.523.550)
Khấu hao trong năm	(504.051.612)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(725.575.162)
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.172.829.489
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.569.367.676
	<hr/>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Bên thứ ba	88.911.486.929	73.191.861.351
Trong đó:		
- Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	14.458.563.712	-
- Khác (*)	74.452.923.217	73.191.861.351
Bên liên quan (Thuyết minh 35(b))	20.947.308.023	2.583.100.720
	<hr/>	<hr/>
	109.858.794.952	75.774.962.071
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có bên thứ ba nào khác có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải trả ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số thực thu trong năm (*) VND	Cần trừ VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(a) Thuế GTGT được khấu trừ						
Thuế GTGT được khấu trừ	72.728.817.007	117.395.601.662	(24.996.007.100)	(129.738.702.242)	-	35.389.709.327
(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước						
Thuế thu nhập cá nhân	26.533.591	-	-	-	64.402.229	90.935.820
Thuế TNDN	1.238.620.241	-	-	-	283.012.994	1.521.633.235
Thuế khác	4.694.001	-	-	(4.694.001)	-	-
	1.269.847.833	-	-	(4.694.001)	347.415.223	1.612.569.055
	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(c) Phải nộp						
Thuế GTGT đầu ra	2.036.390.448	166.938.458.794	(35.297.699.838)	(129.738.702.242)	-	3.938.447.162
Thuế thu nhập cá nhân	4.710.997.493	13.132.302.939	(14.523.750.590)	-	64.402.229	3.383.952.071
Thuế TNDN	17.661.847.636	66.464.273.744	(62.414.431.030)	-	283.012.994	21.994.703.344
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	-	9.108.285.403	(9.103.020.065)	(4.694.001)	-	571.337
	24.409.235.577	255.643.320.880	(121.338.901.523)	(129.743.396.243)	347.415.223	29.317.673.914

(*) Thực thu trong năm liên quan đến số tiền thuế GTGT hoàn trả cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, công ty con của Tập đoàn với tổng số tiền là 24.996.007.100 Đồng, căn cứ theo Quyết định 1273/QĐ-CTHPH-KDT đề ngày 29 tháng 8 năm 2023, Cục thuế Thành phố Hải Phòng quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí lương phải trả	27.295.972.188	20.461.886.829
Chi phí thưởng phải trả (*)	27.796.508.789	23.897.529.866
	<u>55.092.480.977</u>	<u>44.359.416.695</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn trích thưởng dựa trên các quy định của thỏa ước lao động tập thể.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí thưởng năng suất cho nhân viên dự trả (*)	37.618.458.497	11.330.793.775
Chi phí hoa hồng	7.763.454.399	2.088.721.330
Chi phí bồi thường bảo hiểm (**)	5.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	5.793.967.601	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.694.480.059	5.254.907.493
	<u>58.870.360.556</u>	<u>18.674.422.598</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn chưa ban hành quyết định thưởng năng suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Do đó, khoản thưởng năng suất được ước tính cho năm 2023 và ghi nhận vào chi phí phải trả ngắn hạn.

(**) Trong năm, một công ty con của Tập đoàn, đã gây ra tổn thất trong quá trình bốc xếp. Tại ngày của báo cáo tài chính, chi phí bồi thường tổn thất ước tính là 5.000.000.000 đồng (Thuyết minh 31).

(b) Dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả (*)	<u>8.502.467.705</u>	<u>-</u>

(*) Khoản lãi vay phát sinh từ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Theo đó, lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ thời điểm giải ngân khoản vay và sẽ được nhập gốc trong năm 2024 và thanh toán theo các điều khoản của khoản nợ gốc trong hợp đồng vay (Thuyết minh 17(***)(ii)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả liên quan đến đầu tư vào công ty con (*)	-	37.000.000.000
Khác	14.271.499.464	18.625.319.941
	<u>14.271.499.464</u>	<u>55.625.319.941</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư thể hiện khoản phải trả của Công ty liên quan tới việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình. Khoản phải trả này đã được thanh toán thành hai lần vào các ngày 17 tháng 5 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2023 sau khi các thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Biến động của khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Tăng trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Lãi nhập gốc VND (Thuyết minh 34)	Nợ ngắn hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng (*)	36.600.000.000	36.600.000.000	(73.200.000.000)	-	5.163.395.096	5.163.395.096
Vay bên thứ ba	171.800.000.000	150.000.000.000	(211.800.000.000)	2.685.573.439	-	112.685.573.439
Trong đó:						
- Vay từ Đoàn Huy	171.800.000.000	-	(171.800.000.000)	-	-	-
- Vay từ Gemadept (**)	-	150.000.000.000	(40.000.000.000)	2.685.573.439	-	112.685.573.439
Thuê tài chính (****)	-	-	-	-	986.941.908	986.941.908
	<u>208.400.000.000</u>	<u>186.600.000.000</u>	<u>(285.000.000.000)</u>	<u>2.685.573.439</u>	<u>6.150.337.004</u>	<u>118.835.910.443</u>
(b) Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (***)	700.000.000.000	700.000.000.000	(96.500.000.000)	147.718.205.479	(5.163.395.096)	1.446.054.810.383
Trong đó:						
- Khoản vay của công ty con (i)	700.000.000.000	-	(96.500.000.000)	98.104.506.849	(5.163.395.096)	696.441.111.753
- Khoản vay của công ty mẹ (ii)	-	700.000.000.000	-	49.613.698.630	-	749.613.698.630
Thuê tài chính (****)	-	5.249.094.866	(567.950.331)	-	(986.941.908)	3.694.202.627
	<u>700.000.000.000</u>	<u>705.249.094.866</u>	<u>(97.067.950.331)</u>	<u>147.718.205.479</u>	<u>(6.150.337.004)</u>	<u>1.449.749.013.010</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (*) Số dư khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản vay như sau:

Khoản vay dài hạn đến hạn trả với số tiền là 5.163.395.096 Đồng của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Cảng Xanh – công ty con của Tập đoàn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt theo các khế ước nhận nợ số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 26 tháng 6 năm 2023 và số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 25 tháng 12 năm 2023 và hợp đồng tín dụng số 1182-2022-HĐTD1-BVB021 và hợp đồng số 1183-2022-HĐTD1-BVB021 tương ứng, cùng các phụ lục đi kèm đề ngày 28 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh 17(***)).

- (**) Số dư khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn từ bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các khoản vay như sau:

Khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Gemadep (“Gemadep”) theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/GMD-VSC đề ngày 29 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 1 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay là ngày 30 tháng 5 năm 2023. Khoản vay có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các bên và thời gian gia hạn mỗi lần là một tháng và tổng thời gian gia hạn tối đa là hai tháng kể từ ngày đến hạn đầu tiên. Đây là khoản tiền Công ty vay để thanh toán cho việc mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)). Lãi vay áp dụng cho khoản vay trong thời hạn vay vốn là 7,5%/năm. Lãi vay và gốc vay được trả một lần vào cuối kỳ. Đến ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản vay này đã đến hạn thanh toán nhưng Gemadep chưa gửi yêu cầu thanh toán do Công ty và Gemadep vẫn đang trong quá trình trao đổi để gia hạn khoản vay này.

- (***) Số dư khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các vay như sau:

- (i) Khoản vay và lãi vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và Công ty TNHH MTV Cảng Xanh, các công ty con của Tập đoàn, với tổng số tiền gốc ban đầu là 700.000.000.000 Đồng theo hợp đồng tín dụng tương ứng số 1182-2022-HĐTD1-BVB021 và hợp đồng số 1183-2022-HĐTD1-BVB021 đề ngày 28 tháng 12 năm 2022. Đồng thời, căn cứ các khế ước nhận nợ số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 26 tháng 6 năm 2023 và số 1183.03-2023-KUNN1-BVB201 đề ngày 25 tháng 12 năm 2023 của từng công ty con, số tiền lãi vay được ân hạn đã được nhập vào gốc vay là 104.077.641.603 Đồng. Thời hạn vay của khoản vay là 240 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Mục đích của khoản vay để góp vốn thực hiện Dự án Khách sạn Hyatt Place Hải Phòng (Thuyết minh 6(b)).

Lãi suất cho vay được quy định theo từng thời kỳ theo quy định của ngân hàng. Gốc vay được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên và kỳ trả gốc đầu tiên là tháng thứ 15 từ ngày giải ngân. Lãi vay được ân hạn 12 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên và sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6 và tháng thứ 12 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả định kỳ hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã phân loại lại số dư vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày bảng cân đối kế toán là 5.163.395.096 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(***) Số dư khoản vay dài hạn của Tập đoàn với ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 thể hiện các vay như sau: (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay và lãi vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng của Công ty với số tiền là 700.000.000.000 Đồng theo hợp đồng tín dụng số 0097-2023-HĐTĐ1-BVB021 đề ngày 15 tháng 5 năm 2023. Thời hạn vay của khoản vay là 180 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay. Mục đích của khoản vay là thanh toán tiền mua phần vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số GMD/VSC/SPA ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Gemadept và các phụ lục kèm theo.

Theo khế ước nhận nợ số 0097.01-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, gốc vay của khoản vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó Công ty sẽ phải hoàn trả gốc trong 53 phân kỳ, mỗi phân kỳ là 3 tháng/lần. 52 phân kỳ đầu tiên trả 13,2 tỷ đồng và phân kỳ cuối cùng trả 13,6 tỷ đồng.

Cũng theo khế ước nhận nợ này, lãi vay của khoản vay là 14%/năm cho 6 tháng đầu tiên sau đó được điều chỉnh bằng lãi vay cơ sở bằng VND dành cho khách hàng doanh nghiệp kỳ hạn 13 tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Lãi vay được ân hạn trong vòng 21 tháng kể từ ngày giải ngân và sẽ nhập gốc trong thời gian ân hạn vào tháng thứ 6, 12, 18, 21 kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ân hạn lãi, lãi vay được trả hàng tháng vào ngày 25 trong suốt thời gian còn lại của khoản vay.

Căn cứ khế ước nhận nợ số 0097.02-2023-KUNN1-BVB021 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng đề ngày 25 tháng 11 năm 2023, số tiền lãi vay được ân hạn đã được nhập vào gốc vay là 49.613.698.630 Đồng.

Tập đoàn đã sử dụng các tài sản sau để thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng như sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản của Công ty Cổ phần Container Việt Nam đang được Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh sử dụng (Thuyết minh 9(a));
- Phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP Cảng Xanh VIP, Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Logistics Xanh, và Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Cảng Xanh;
- Toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền tài sản trên đất của các công ty con trong Tập đoàn:
 - Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ và (Thuyết minh 8(b) và 9(a))
 - Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (Thuyết minh 8(b));
- 100% cổ phần/chứng khoán chưa lưu ký của các công ty con trong Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ;
- Quyền khai thác cảng biển của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh; và
- Quyền tài sản và phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 10(b)).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(****) Chi tiết số dư khoản nợ thuê tài chính của Tập đoàn với bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện như sau:

	31/12/2023			31/12/2022		
	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Dưới 1 năm	986.941.908	-	986.941.908	-	-	-
Từ 1 đến 5 năm	3.694.202.627	-	3.694.202.627	-	-	-
	<u>4.681.144.535</u>	<u>-</u>	<u>4.681.144.535</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 liên quan tới tài sản cố định thuê tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh – công ty con của Tập đoàn theo hợp đồng thuê số B230817101 đề ngày 7 tháng 9 năm 2023 với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Theo đó, công ty con thuê 3 xe đầu kéo với thời hạn thuê là 60 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	4.730.352.601	5.733.190.501
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	28.000.000.000	23.000.000.000
Sử dụng trong năm	(18.773.213.106)	(24.002.837.900)
Số dư cuối năm	<u>13.957.139.495</u>	<u>4.730.352.601</u>

19 THUẾ TNDN HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng (*)	<u>30.412.872.712</u>	<u>30.858.278.235</u>

(*) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản do hợp nhất kinh doanh	<u>152.064.363.560</u>	<u>154.291.391.175</u>
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	<u>30.412.872.712</u>	<u>30.858.278.235</u>

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>133.395.642</u>	<u>121.269.397</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

(b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

Cổ đông của Công ty là các cổ đông tổ chức và cá nhân. Mỗi một cổ đông tổ chức và cá nhân đều sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu (***) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	551.227.980.000	36.141.891.246	-	826.088.451.117	-	659.965.436.905	373.650.548.295	2.447.074.307.563
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	314.293.593.407	78.845.533.336	393.139.126.743
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	49.454.544.330	-	(49.454.544.330)	-	-
Trích lập Quỹ khác	-	-	-	-	1.382.700.000	(1.382.700.000)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.000.000.000)	-	(23.000.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.345.000.000)	-	(5.345.000.000)
Góp vốn bằng tiền	551.227.980.000	3.261.630.000	-	-	-	-	-	554.489.610.000
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(43.136.250.000)	(43.136.250.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021	110.238.010.000	-	-	-	-	(110.238.010.000)	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2022	-	-	-	-	-	(121.269.397.000)	-	(121.269.397.000)
Khác	-	-	-	-	-	459.591.971	(1.211.641.971)	(752.050.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.212.693.970.000	39.403.521.246	-	875.542.995.447	1.382.700.000	664.028.970.953	408.148.189.660	3.201.200.347.306
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.083.248.329	-	(11.083.248.329)	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (*)	-	-	-	-	-	(28.000.000.000)	-	(28.000.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	(7.271.635.638)	-	(7.271.635.638)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 (**)	121.262.450.000	-	-	-	-	(121.262.450.000)	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát (***)	-	-	-	-	-	-	(54.164.095.200)	(54.164.095.200)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	123.623.359.657	75.398.666.263	199.022.025.920
Ứng trước cổ tức năm nay cho cổ đông không kiểm soát (****)	-	-	-	-	-	-	(16.225.000.000)	(16.225.000.000)
Khác	-	-	1.382.700.000	-	(1.382.700.000)	-	(254.745.000)	(254.745.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.333.956.420.000	39.403.521.246	1.382.700.000	886.626.243.776	-	620.034.996.643	412.903.015.723	3.294.306.897.388

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức (đã thực hiện trong năm 2022) và việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (thực hiện trong năm 2023) từ nguồn lợi nhuận của năm 2022, đồng thời, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(**) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đưa ra phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới), trong đó, ngày đăng ký cuối cùng của các cổ đông là ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐQT thông qua kết quả phát hành 12.126.245 cổ phiếu để trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty, nâng tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành lên 133.395.642 cổ phiếu, đồng thời thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.333.956.420.000 Đồng. Cũng trong ngày này, Công ty đã thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đến UBCK và được UBCK chấp thuận phát hành thành công qua Công văn số 5977/UBCK-QLCB đề ngày 30 tháng 8 năm 2023.

Sau đó, ngày 7 tháng 9 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng đã cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 25, trong đó điều chỉnh tăng vốn chủ sở hữu lên 1.333.956.420.000 Đồng.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 3 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 3 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – Công ty con, đã phân phối 189.750.000.000 Đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 141.075.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 48.675.000.000 Đồng Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh phân phối 12.120.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 8.040.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 4.080.000.000 Đồng Việt Nam.

Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Container Miền Trung phân phối 4.025.995.200 Đồng từ LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức trả cho Công ty là 2.616.900.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 1.409.095.200 Đồng Việt Nam.

(****) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 3 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT đề ngày 16 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP – Công ty con, đã tạm ứng 63.250.000.000 Đồng Việt Nam từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 để trả cổ tức cho các cổ đông, trong đó, phần cổ tức tạm ứng cho Công ty là 47.025.000.000 Đồng Việt Nam và cho các cổ đông không kiểm soát là 16.225.000.000 Đồng Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(*****) Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐQT đề ngày 13 tháng 7 năm 2023, và Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 8 năm 2023, Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với tỷ lệ 1:1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc phát hành này là 1.333.963.360.000 đồng. Mục đích của đợt chào bán là nhận chuyển nhượng thêm tối đa 44% vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ ("Công ty Mục tiêu") từ các thành viên góp vốn hiện hữu của Công ty Mục tiêu trong năm 2024 với tổng số tiền 1.320.000.000.000, phần còn lại được bổ sung vào vốn lưu động. Thời gian dự kiến chào bán là trong năm 2024.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 443/GCN-UBCK. Thời gian chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực (Thuyết minh 40).

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2023	2022 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	123.623.359.657	314.293.593.407
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(11.013.441.390)	(28.000.000.000)
	<u>112.609.918.267</u>	<u>286.293.593.407</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>133.395.642</u>	<u>128.461.830</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>844</u>	<u>2.222</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU(TIẾP THEO)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn dự kiến trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 11.013.441.390. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Tập đoàn được tính toán dựa trên ước tính này. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2024 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu tính toán lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	314.293.593.407	-	314.293.593.407
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(28.000.000.000)	-	(28.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	286.293.593.407	-	286.293.593.407
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	116.784.091	12.043.207	128.827.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	2.451	(229)	2.222

(**) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho tất cả các kỳ báo cáo sẽ được điều chỉnh hồi tố nếu số lượng cổ phiếu phổ thông hoặc cổ phiếu phổ thông tiềm năng đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu. Nếu những thay đổi đó xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính, số liệu được tính trên mỗi cổ phiếu của kỳ báo cáo hiện tại và mỗi kỳ báo cáo trước đó trên báo cáo tài chính được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu mới.

Do đó, số lượng cổ phiếu để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và số liệu so sánh của năm tài chính 2022 được xác định bằng tổng của:

- Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ;
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐQT đề ngày 14 tháng 6 năm 2023 và được UBCKNN chấp thuận phát hành thành công qua Công văn số 5166/UBCK-QLCB đề ngày 3 tháng 8 năm 2023 với giả định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2022.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 2.028.803,680 Đô la Mỹ, tương ứng với 48.853.603.450 Đồng và 7,67 Euro, tương ứng với 191.251 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 303.873,28 Đô la Mỹ, tương ứng với 7.113.673.485 Đồng và 7,67 Euro, tương ứng 189.587 Đồng).

24 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu về cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bốc dỡ container	1.048.833.291.855	974.514.896.630
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	270.288.395.868	246.308.394.828
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	339.470.619.876	358.469.461.517
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	522.353.104.095	428.104.741.774
	<u>2.180.945.411.694</u>	<u>2.007.397.494.749</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	<u>2.180.945.411.694</u>	<u>2.007.397.494.749</u>

25 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	282.681.808.953	247.812.527.575
Chi phí mua nguyên vật liệu	174.833.279.599	209.840.341.607
Chi phí khấu hao	190.412.323.663	199.070.088.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	701.530.000.692	515.185.819.128
Chi nhà thầu phụ của các cảng, các bãi	75.741.638.899	20.636.599.328
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.726.685.692	49.164.310.269
Khác	61.580.304.898	106.958.911.267
	<u>1.526.506.042.396</u>	<u>1.348.668.597.428</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.617.412.106	27.353.187.905
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.507.402.704	7.247.686.457
	<u>31.124.814.810</u>	<u>34.600.874.362</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	170.446.855.907	1.104.887.671
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.172.775.238	3.914.932.208
	<u>172.619.631.145</u>	<u>5.019.819.879</u>

28 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	6.133.066.245	7.969.123.267
Chi phí liên quan đến hãng tàu	71.556.476.807	57.549.251.837
Khác	16.376.924.754	13.675.603.502
	<u>94.066.467.806</u>	<u>79.193.978.606</u>

29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	80.095.374.624	55.600.627.978
Chi phí khấu hao	2.955.201.782	2.456.433.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.846.730.271	26.744.285.287
Khác	18.985.756.776	20.589.351.398
	<u>132.883.063.453</u>	<u>105.390.698.465</u>

30 THU NHẬP KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	773.971.498	1.096.850.030
Khác	3.113.466.472	158.323.578
	<u>3.887.437.970</u>	<u>1.255.173.608</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

31 CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bồi thường (Thuyết minh 15(a))	5.000.000.000	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	1.828.526.689
Khác	1.791.896.532	6.516.607.834
	<u>6.791.896.532</u>	<u>8.345.134.523</u>

32 THUẾ TNDN

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (“GLC”), Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (“GIC”) là các công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Các ưu đãi thuế trên chỉ được áp dụng cho các hoạt động kinh doanh chính đáp ứng điều kiện ưu đãi đầu tư ghi trong Giấy chứng nhận Đầu tư lần đầu của các đơn vị này. Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất thông thường là 20%. Chi tiết ưu đãi thuế theo các năm được trình bày ở bảng dưới đây:

Công ty con	Ưu đãi thuế theo các năm			Thuế suất 20%
	Miễn thuế TNDN	Giảm 50% thuế TNDN	Thuế suất 10%	
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (GLC)	2013 - 2016	2017 - 2025	2026 - 2027	Từ năm 2028 trở đi
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (VGR)	2016 - 2019	2020 - 2028	2029 - 2030	Từ năm 2031 trở đi
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (GIC)	2017 - 2020	2021 - 2029	2030 - 2031	Từ năm 2032 trở đi

Các khoản thu nhập còn lại có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	265.130.587.479	476.912.730.032
Thuế tính ở thuế suất 20%	53.026.117.493	95.382.546.006
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	22.026.275.557	14.899.756.352
Chi phí lãi vay không được khấu trừ (*)	10.269.501.118	-
Lỗ của công ty liên kết	4.442.036.985	3.944.516.757
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.184.664.327	-
Ảnh hưởng của các ưu đãi thuế, giảm thuế	(44.917.833.720)	(39.023.032.997)
Dự phòng thiếu của các năm trước	4.979.031	5.558.338.356
Điều chỉnh khác	(97.097.194)	(142.270.543)
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	20.169.917.962	3.153.749.358
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>66.108.561.559</u>	<u>83.773.603.289</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN – hiện hành	66.464.273.744	83.968.553.635
Thuế TNDN – hoãn lại	(355.712.185)	(194.950.346)
	<u>66.108.561.559</u>	<u>83.773.603.289</u>

(*) Chi phí lãi vay không được trừ do vượt quá mức trần được quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP đề ngày 5 tháng 11 năm 2020 áp dụng đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Ngoài ra, theo quy định của Nghị định 132, phần chi phí lãi vay vượt trần chưa được khấu trừ thuế TNDN được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh khoản chi phí đó. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản chi phí lãi vay vượt trần ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh chi phí	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số chi phí lãi vay vượt trần VND	Số chi phí lãi vay vượt trần đã được sử dụng VND	Số chi phí lãi vay còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2023	Chưa thanh tra	(51.347.505.590)	-	(51.347.505.590)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

32 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

(**) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế của các công ty con trong Tập đoàn có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của các công ty con trong Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2022	Chưa thanh tra	(15.768.746.790)	-	(15.768.746.790)
2023	Chưa thanh tra	(100.849.589.810)	-	(100.849.589.810)

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng của Công ty và các công ty con của Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan tới hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	174.833.279.599	209.840.341.607
Chi phí nhân viên	368.910.249.822	311.382.278.820
Chi phí khấu hao	193.367.525.445	201.526.522.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	646.819.884.963	467.473.695.972
Chi phí bốc dỡ, đóng hàng	85.556.846.000	74.456.408.443
Chi nhà thầu phụ của các cảng, các bãi	75.741.638.899	20.636.599.328
Chi phí hoa hồng	71.556.476.807	57.549.251.837
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.726.685.692	49.164.310.269
Khác	96.942.986.428	141.223.866.167
	<u>1.753.455.573.655</u>	<u>1.533.253.274.499</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

34 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	121.262.450.000	110.238.010.000
Mua sắm TSCĐ nhưng chưa thanh toán	5.376.972.837	-
Thuê tài chính tăng trong năm	5.249.094.866	-
Lãi nhập gốc vay trong năm (Thuyết minh 17)	150.403.778.918	-
<i>Trong đó:</i>		
- Vay ngắn hạn	2.685.573.439	-
- Vay dài hạn	147.718.205.479	-

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết
	(trở thành bên liên quan từ ngày 31/5/2023)
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	Công ty liên quan khác
Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Giám đốc/Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2023 VND	2022 VND
(i) Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	547.058.667	-
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	3.165.341.680	2.971.028.900
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	42.445.080.884	27.860.220.523
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	6.052.305.700	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	270.180.651.048	255.748.021.821
	<u>322.390.437.979</u>	<u>286.579.271.244</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND	
(ii)	Mua dịch vụ			
	Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	122.313.317	-	
	Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	14.688.162.938	15.652.983.873	
	Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội	43.204.443	70.830.300	
	Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	69.948.362.473	-	
	Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	4.923.389.794	-	
		<u>89.725.432.965</u>	<u>15.723.814.173</u>	
(iii)	Chi phí hoa hồng			
	Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	18.836.790.500	12.504.360.000	
(iv)	Lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
	Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm lương, thưởng, các khoản nhận được từ quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành từ lợi nhuận để lại của Công ty.			
	Hội đồng quản trị			
	Ông Bùi Minh Hưng	Chủ tịch (từ ngày 10/3/2023)	3.931.602.000	1.743.083.874
	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch (cho đến ngày 10/3/2023)	733.854.000	2.429.589.000
	Ông Văn Trần Hoàn	Thành viên	440.000.000	450.000.000
	Ông Tạ Công Thông	Thành viên	3.087.152.099	2.962.138.000
	Ông Cáp Trọng Cường	Thành viên	3.668.607.756	1.737.370.917
	Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên	2.091.100.000	-
	Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	840.000.000	1.148.141.735
	Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	315.000.000	2.724.981.000
	Ông Trần Quang Tiến	Thành viên (cho đến ngày 9/9/2022)	-	300.000.000
	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (cho đến ngày 9/3/2022)	-	500.000.000
			<u>15.107.315.855</u>	<u>13.995.304.526</u>
	Ban Kiểm soát			
	Ông Trương Lý Thế Anh	Trưởng ban (từ ngày 10/3/2023)	800.651.000	-
	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban (cho đến ngày 10/3/2023)	189.854.000	338.040.000
	Bà Ngô Thị Thùy Lương	Thành viên (từ ngày 10/3/2023)	413.913.256	-
	Bà NghiêM Thị Thủy Dương	Thành viên	1.059.263.372	763.786.544
	Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên (cho đến ngày 10/3/2023)	326.764.638	125.000.000
			<u>2.790.446.266</u>	<u>1.226.826.544</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND
<i>(iv) Lương, thưởng cho các nhân sự quản lý chủ chốt (tiếp theo)</i>			
Ban Giám đốc			
Ông Tạ Công Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 28/2/2024) Giám đốc Marketing (cho đến ngày 28/2/2024)	Như trên	Như trên
Ông Cáp Trọng Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 10/3/2023 cho đến ngày 28/2/2024) Giám đốc khai thác (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc (cho đến ngày 10/3/2023)	Như trên	Như trên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc kỹ thuật	2.614.933.107	2.465.938.000
Bà Trương Anh Thư	Giám đốc tài chính (từ ngày 1/3/2024)	-	-
Ông Phan Văn Hưng	Giám đốc tài chính (cho đến ngày 1/3/2024)	2.316.407.000	204.000.000
Kế toán trưởng			
Phạm Thanh Tuấn	Kế toán trưởng (từ ngày 1/3/2024)	-	-
Ông Lê Thế Trung	Kế toán trưởng (cho đến ngày 1/3/2024)	3.260.954.000	2.952.261.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

35 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	45.752.120	62.795.180
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.442.200	54.554.040
Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	12.440.338.274	5.240.297.586
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.269.376.920	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	24.694.847.334	22.889.142.633
Nguyễn Việt Trung	-	50.000.000
	<u>38.456.756.848</u>	<u>28.296.789.439</u>
(ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng	39.586.600	43.878.784
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.849.819.072	2.539.221.936
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	16.691.202.661	-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	2.366.699.690	-
	<u>20.947.308.023</u>	<u>2.583.100.720</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				Tổng cộng VND
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	
Tổng doanh thu của bộ phận	1.048.833.291.855	270.288.395.868	339.470.619.876	522.353.104.095	2.180.945.411.694
Tổng chi phí phân bổ	(843.250.166.454)	(217.308.829.321)	(272.930.559.069)	(419.966.018.811)	(1.753.455.573.655)
Tổng cộng	205.583.125.401	52.979.566.547	66.540.060.807	102.387.085.284	427.489.838.039
Chi phí thuần về hoạt động tài chính					(141.494.816.335)
Thu nhập khác					3.887.437.970
Chi phí khác					(6.791.896.532)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(17.959.975.663)
Thuế TNDN					(66.108.561.559)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					199.022.025.920

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				Tổng cộng VND
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	
Tổng thu nhập của bộ phận	974.514.896.630	143.274.511.568	461.503.344.777	428.104.741.774	2.007.397.494.749
Tổng chi phí phân bổ	(744.335.967.448)	(109.433.290.910)	(352.496.960.080)	(326.987.056.061)	(1.533.253.274.499)
Tổng cộng	230.178.929.182	33.841.220.658	109.006.384.697	101.117.685.713	474.144.220.250
Doanh thu thuần về hoạt động tài chính					29.581.054.483
Chi phí khác					(7.089.960.915)
Phân chia lợi nhuận của công ty liên kết					(19.722.583.786)
Thuế TNDN					(83.773.603.289)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					393.139.126.743

CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

	Tại ngày 31/12/2023				
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	408.384.146.551	105.242.174.068	132.179.651.861	203.388.592.134	849.194.564.614
Tài sản không phân bổ					4.341.731.289.474
Tổng tài sản					5.190.925.854.088
Nợ phải trả của bộ phận	52.831.932.854	13.614.993.434	17.099.847.168	26.312.021.496	109.858.794.952
Các khoản nợ không phân bổ					1.786.760.161.748
Tổng nợ phải trả					1.896.618.956.700

	Tại ngày 31/12/2022				
	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm dịch, lưu kho, lưu bãi VND	Hoạt động vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	486.856.778.654	71.578.348.783	230.561.926.301	213.876.356.563	1.002.873.410.301
Tài sản không phân bổ					3.363.936.913.792
Tổng tài sản					4.366.810.324.093
Nợ phải trả của bộ phận	36.785.853.087	5.408.306.381	17.420.764.217	16.160.038.386	75.774.962.071
Các khoản nợ không phân bổ					1.089.835.014.716
Tổng nợ phải trả					1.165.609.976.787

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

37 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng lô đất thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã ký các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Một số các hợp đồng này quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Tập đoàn có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Tập đoàn ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc, nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được chắc chắn tùy thuộc vào các sự kiện có thể phát sinh trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng khi hợp đồng thuê đất không quy định cụ thể về nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng, việc xác định các nghĩa vụ này được coi là không chắc chắn. Do đó, Ban Giám đốc chưa ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên này vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

38 CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dưới 1 năm	7.655.647.976	5.902.410.000
Từ 1 đến 5 năm	30.005.337.301	31.917.314.000
Trên 5 năm	55.619.596.388	45.612.188.259
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	93.280.581.665	83.431.912.259

39 CAM KẾT KHÁC

Bảo lãnh bằng tài sản cho các bên thứ ba:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sử dụng phần vốn góp 15.765.000 cổ phần tại Công ty CP Cảng Xanh VIP (Mã chứng khoán: VGR) để bảo lãnh cho các bên khác vay tiền để tham gia vào hợp đồng nhận chuyển quyền sở hữu Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (Thuyết minh 17).

Bảo lãnh thanh toán cho công ty liên kết:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho khoản vay của Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ – công ty liên kết của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

40 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

(a) Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

Ngày 30 tháng 1 năm 2024, Công ty đã mua 2.150.500 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, nâng tỉ lệ cổ phiếu nắm giữ tại công ty này từ 3.128.000 cổ phiếu lên 5.278.500 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 5% cổ phần. Cũng từ ngày này, Công ty trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

(b) Triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (Thuyết minh 21)

Ngày 4 tháng 1 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0104/2024/NQ-HĐQT đưa ra phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1, với giá phát hành 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 133.395.642 cổ phiếu. Theo đó, thời gian chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu bắt đầu từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho cổ phiếu của Công ty là ngày 18 tháng 1 năm 2024.

Ngày 22 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0222/2024/ND-HĐQT thông qua việc triển khai thực hiện thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 443/GCN-UBCK đề ngày 29 tháng 12 năm 2023 thêm 30 ngày kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2024.

(c) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0220/2024/ND-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm ông Tạ Công Thông giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty thay thế cho ông Cáp Trọng Cường kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2024, đồng thời, miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Marketing của Công ty đối với ông Tạ Công Thông.

(d) Miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 2 năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0227/2024/NQ-HĐQT thông qua việc bổ nhiệm bà Trương Anh Thư giữ chức vụ Giám đốc tài chính của Công ty thay thế cho ông Phan Văn Hưng, ông Phạm Thanh Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng của Công ty thay thế cho ông Lê Thế Trung kể từ ngày 1 tháng 3 năm 2024. Đồng thời, bổ nhiệm ông Phan Văn Hưng giữ chức vụ Giám đốc Nội chính và ông Lê Thế Trung giữ chức vụ Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

40 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(e) Nhận đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0326/2024/NQ-HĐQT đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm ông Văn Trần Hoàn, ông Cáp Trọng Cường và ông Tạ Công Thông. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Căn cứ Biên bản họp Ban Kiểm soát số 01/2024/BB-BKS đề ngày 26 tháng 3 năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm của các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm ông Trương Lý Thế Anh, bà Ngô Thị Thùy Lương. Việc từ nhiệm này sẽ được trình và chấp thuận căn cứ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông gần nhất của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2024.



Phạm Thị Thúy Ngọc
Người lập



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Tạ Công Thông
Tổng Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật